

Vĩ mô đầu tuần: CPI tại Mỹ và Trung Quốc, lãi suất LNH tại Việt Nam

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Tại Mỹ, thị trường vẫn chú ý tới báo cáo KQKD của các doanh nghiệp cùng các chỉ số quan trọng. Số lượng việc làm tháng 1 được dự báo tăng lên 70.000 việc làm, tỷ lệ thất nghiệp nhiều khả năng ổn định ở mức 4,4%, tăng trưởng tiền lương được dự báo giảm tốc xuống 3,6% so với cùng kỳ trong khi CPI ước tính tăng 0,3% so với tháng trước (tăng 2,5% so với cùng kỳ).
- Tại châu Âu, GDP Q4/2025 tại Anh được dự báo tăng 0,2% so với quý trước, trong khi ước tính GDP lần 2 của khu vực Eurozone xác nhận mức tăng 0,3% so với quý trước, tương đương Q3/2025.
- Tại châu Á, CPI tại Trung Quốc nhiều khả năng hạ nhiệt xuống 0,4% so với cùng kỳ trong bối cảnh giá nhà ở tiếp tục giảm trong khi tăng trưởng tiền lương tại Nhật Bản được dự báo tăng tốc lên khoảng 3% so với cùng kỳ.
- Tại Việt Nam, tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) tăng 0,077% lên 25.935, lãi suất cho vay qua đêm LNH tăng lên 16,39%, mức cao nhất kể từ tháng 9/2008, sau đó hạ nhiệt xuống 8,6% vào thứ năm, trong khi chỉ số VNIndex giảm 4% so với tuần trước đó xuống 1.755,49 điểm, tuần giảm điểm thứ 3 liên tiếp.

Các số liệu kinh tế quan trọng trên toàn cầu

Mỹ và khu vực Eurozone

Thị trường Mỹ tiếp tục theo dõi tình hình KQKD của các tập đoàn lớn, bao gồm các công ty hàng đầu trong lĩnh vực tiêu dùng, công nghệ, y tế và công nghiệp như McDonald's, Coca-Cola, Cisco, Shopify, Moderna và Ford, cùng các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng. Báo cáo việc làm tháng 1 được kỳ vọng sẽ cho thấy số lượng việc làm phi nông nghiệp tăng khoảng 70.000 việc làm, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 4,4% và tăng trưởng tiền lương giảm xuống khoảng 3,6% so với cùng kỳ. CPI tháng 1 được dự báo tăng 0,3% so với tháng trước, trong đó lạm phát cơ bản tăng nhẹ, trong khi doanh số bán lẻ và bài phát biểu của Fed sẽ định hình kỳ vọng về triển vọng lãi suất.

Tại khu vực Eurozone, GDP Q4/2025 của Anh dự báo tăng 0,2% so với quý trước sau khi tăng 0,1% so với quý trước trong Q3/2025. Ước tính GDP lần thứ 2 của khu vực Eurozone sẽ được công bố sau khi số liệu sơ bộ cho thấy nền kinh tế tăng trưởng 0,3% so với quý trước, tương đương Q3/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 9/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU và châu Á

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
6-2-26	Việt Nam: KNXK (T1-26, y/y %)	23.8	29.7	17.1
	Việt Nam: KNNK (T1-26, y/y %)	27.7	49.2	30.6
	Việt Nam: Cán cân thương mại (T1-26, USD)	-0.7 tỷ	-1.8 tỷ	-0.4 tỷ
	Việt Nam: CPI (T1-26, y/y %)	3.48	2.53	3.00
	Việt Nam: Doanh số bán lẻ (T1-26, y/y %)	9.8	9.3	9.5
	Việt Nam: Giá trị sản xuất công nghiệp (T1-26, y/y %)	10.1	21.5	10.0
	Mỹ: Niềm tin của người tiêu dùng (T2-26, sơ bộ)	56.4	57.3	55.0
9-2-26	Nhật Bản: Thu nhập bình quân (T1-26, y/y %)	0.5		3.0
10-2-26	Mỹ: Doanh số bán lẻ (T1-26, m/m %)	0.6		0.5
11-2-26	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T1-26, y/y %)	0.8		0.4
	Trung Quốc: PPI (T1-26, y/y %)	-1.9		-1.5
	Mỹ: Số lượng việc làm phi nông nghiệp (T1-26)	50,000		70,000
	Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (T1-26, %)	4.4		4.4
	Mỹ: Thu nhập bình quân theo giờ (T1-26, y/y %)	3.8		3.6
12-2-26	Anh: GDP (Q4/25, q/q %, sơ bộ)	0.1		0.2
13-2-26	Trung Quốc: Chỉ số giá nhà ở (T1-26, y/y %)	-2.7		
	EU: GDP (Q4/25, q/q %, ước tính lần 2)	0.3		0.3
	Mỹ: Lạm phát cơ bản (T1-26, m/m %)	0.2		0.3
	Mỹ: Tỷ lệ lạm phát (T1-26, m/m %)	0.3		0.3
	Mỹ: Tỷ lệ lạm phát (T1-26, y/y %)	2.7		2.5

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Trung Quốc và châu Á

Tại Trung Quốc, CPI tổng thể được dự báo sẽ hạ nhiệt xuống khoảng 0,4% so với cùng kỳ trong tháng 1, từ mức cao nhất trong gần 3 năm vào tháng 12/2025 (tăng 0,8% so với cùng kỳ), trong khi giá nhà ở nhiều khả năng ghi nhận tháng giảm so với cùng kỳ thứ 31 liên tiếp. Tại Nhật Bản, tăng trưởng tiền lương danh nghĩa được dự báo sẽ tăng tốc lên khoảng 3% so với cùng kỳ, từ đó thu hút sự chú ý vào nhu cầu nội địa và chính sách.

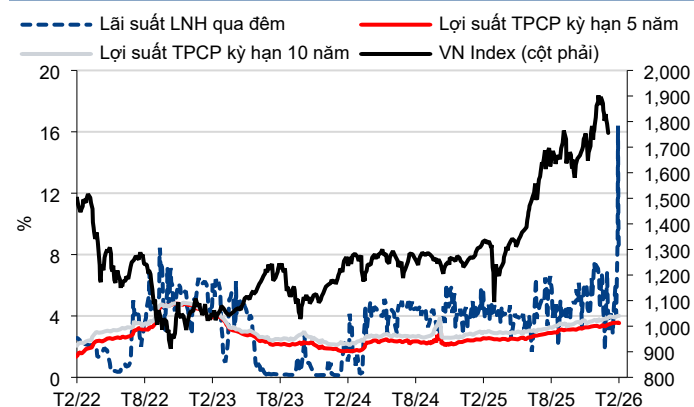
Việt Nam

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 2 và 3. Tuần trước, chỉ số VNIndex giảm 4% xuống 1.755,49 điểm, tuần giảm điểm thứ 3 liên tiếp, trong khi tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) tăng 0,077% lên 25.935, kết thúc 2 tuần tăng giá liên tiếp của VND trong bối cảnh lãi suất cho vay qua đêm LNH tăng mạnh lên 16,39%, mức cao nhất kể từ tháng 9/2008.

Biểu đồ 2: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

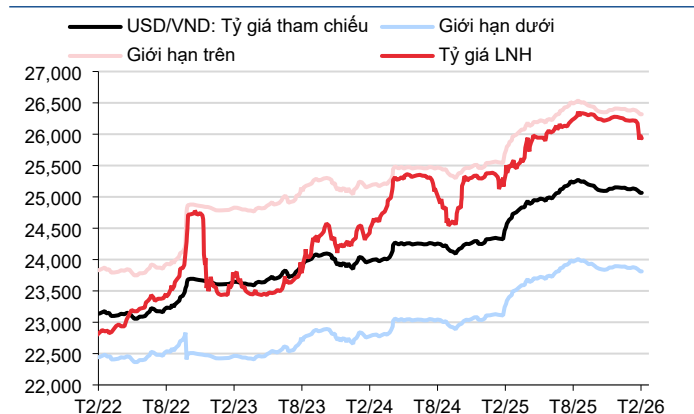
Chỉ số VN Index giảm 4% so với tuần trước và đóng cửa tại 1.755,49 điểm



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 3: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) tăng 0,077% lên 25.935



Nguồn: CEIC, HSC

Bảng 4: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	3,885	3,929
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	7.60	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	514	546	584
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	5,026	5,293	5,610
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.70	3.30	3.42
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.8	37.2	38.5
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.2	34.0	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	2.85	3.47	3.60	4.23	5.02
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106	115	124	125	133	136	145	149	154
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	3.9	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	4.1	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	15.0	15.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,586	26,770
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	13.5	13.5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	83	85	90
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.5	5.8
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	3.5	3.6
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.2	4.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	19.4	23.9
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	19.0	18.0	20.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	455	495	544
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	8.7	10.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	475	514	568
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	8.2	10.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	169	179	184
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	29.2	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.4	44.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	7.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn